

Bản án số: 47/2017/HS-PT

Ngày: 11 – 9 – 2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngô

Các thẩm phán: 1/. Ông Huỳnh Đức Khải.

2/. Ông Mai Thiện Kế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2017/HSPT, ngày 21/8/2017 đối với bị cáo Trần Khánh T do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2017/HSST, ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: Trần Khánh T (tên khác T Xiu), sinh năm 1992; Giới tính: Nam; Cư trú tại: Đường 30/4, khóm N, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Trần Văn N, sinh năm 1962 (s) và bà Trịnh Thị T, sinh năm 1962 (s); Anh, chị em ruột: 03 người, (lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất là bị cáo); Vợ: Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1993; có 02 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016); Tiền án; Không;

Tiền sự 02 lần bị xử lý hành chính: Lần thứ nhất: Vào năm 2013 bị xử lý hành chính đưa vào trung tâm cai nghiện 12 tháng. Lần thứ 2: Năm 2015 bị công an xử phạt hành chính 750.000 đồng.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày: 09/01/2017. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*)

Ngoài ra trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác (bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 29/5//2016, T đến quán cà phê Ngọc A thuộc ấp C xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng gặp Nguyễn Thiên T và Nguyễn Văn D cùng nhau uống nước nói chuyện qua lại với nhau khoảng 30 phút thì T nhờ D dùng xe mô tô nhãn hiệu EXCITTER, biển kiểm soát: 83 C1- 202.xx chở về nhà trọ Phương N. Trên đường đi T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của D nên T nói với D: “Tôi nay mày thuê phòng trọ ở, sáng mai đi Sóc Trăng chơi với anh”. Khi đến nhà trọ Phương N thì D thuê phòng bên cạnh phòng của T và L đang ở, còn T thì vào phòng của mình lấy ma túy đem sang phòng của D cùng nhau sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, T nói với D: “cho anh mượn xe đi mua đồ một chút” thì D đồng ý, T lấy xe rồi điều khiển chạy về hướng thành phố S đem cầm cho Trần Khánh D1, sinh năm 1993, đăng ký thường trú: khóm N, phường B, thành phố S với số tiền 3.000.000 đồng. Đến sáng hôm sau do không thấy xe nên D hỏi T: “xe của em đâu rồi anh T” thì T trả lời: “anh kẹt tiền cầm đỡ, vậy ngày sau anh chuộc trả”; Do không có xe nên D không dám về nhà mà ở lại nhà trọ đợi T chuộc lại xe. Đến ngày 12/6/2016 do không có tiền chuộc lại xe trả cho D nên T rủ L bỏ trốn đến thành phố S để thuê nhà nghỉ khác để ở; do không liên lạc được với T và L nên D đến Công an xã T, huyện C trình báo sự việc.

Ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội nêu trên thì T còn nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của nhiều người khác trên địa bàn thành phố S nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố S đã chuyển hồ sơ Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện C để điều tra theo thẩm quyền, cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Vào khoảng 18 giờ ngày 14/3/2016 T điện thoại rủ Bùi Tấn L, sinh năm 1988, đăng ký thường trú: đường 30/4 khóm H, phường B1 thành phố S đến khách sạn H (số 765, Quốc lộ 1A, khóm 3, phường 2, thành phố S) để cùng nhau sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu HAYATE biển kiểm soát 83P1- 308.xx của L đem đi cầm lấy tiền tiêu xài nên T hỏi mượn xe của L để đi mua đồ thì được L đồng ý, T điều khiển xe đem đi cầm cho Trần Khánh D1 với số tiền 2.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Khoảng 20 giờ cùng ngày 14/3/2016, T về khách sạn H, do không thấy xe của mình nên L hỏi T “xe đâu rồi” thì T nói cho thẳng em mượn một chút sẽ mang đến trả”; do không có giấy tờ tùy thân nên chủ khách sạn H không cho T tiếp tục thuê phòng trọ nên T rủ L đến thuê nhà nghỉ N (Dương Minh Quan, khóm T, phường B1, thành phố S) để thuê phòng trọ và tiếp tục sử dụng ma túy. Tại đây L điện thoại rủ thêm Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993 đăng ký thường trú: Lê Hồng Phong, khóm N, phường B1, thành phố S đến chơi rồi cùng nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 15/6/2016 do bị L hối thúc trả xe nên T tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của H mang đi cầm lấy tiền tiêu xài. T nói dối hỏi mượn xe của H để đi đón thẳng em mang xe trả cho L vì nó không biết đường vào. Do tin vào lời nói của T nên H giao xe mô tô nhãn hiệu Wave S biển kiểm soát 83H8-xxxx cho T. Sau khi lấy được xe thì T chở L đến một khách sạn trên đường Lê Hồng Phong thuê phòng nghỉ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T đem xe mô tô biển kiểm soát 83H8-xxxx cầm cho Trần Khánh D1 với số tiền là 1.500.000 đồng số tiền có được T giữ lấy và chi xài cá nhân.

- Lần thứ 3: Vào khoảng 15 giờ ngày 16/6/2016 Đỗ Trần P, sinh năm 1994 đăng ký thường trú: ấp B, xã Đ, huyện K là bạn của T và L đến phòng trọ nơi T và L ở tại nhà nghỉ T (Quốc lộ 1A, khóm B, phường M, thành phố S (nơi T và L ở trọ) để chơi và cùng nhau sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của P mang đi cầm lấy tiền tiêu xài; T nói với P “cho mượn xe đi công chuyện chút về trả” thì được P đồng ý và giao xe mô tô nhãn hiệu FASHION biển kiểm soát 83F4-xxxx cho T. T điều khiển xe đem đến cầm cho Trần Khánh D1 với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), khi T trở về phòng trọ, do không thấy xe của mình nên P hỏi T “xe của em đâu rồi anh T” thì T trả lời “anh kẹt tiền cầm đỡ, hai ngày sau anh chuộc trả”. Đến ngày 18/6/2016 do bị chủ nhà nghỉ T không cho ở nên T rủ P sang nhà nghỉ số 9 thuộc phường H, thành phố S (gần khu vực trạm biến điện thuê ở trọ, đến nay 21/6/2016 lợi dụng lúc P không để ý thì T rủ L bỏ trốn lên thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 69/2016/HĐĐG- TCKH ngày 30/8/2016 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện C, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha EXCITTER 135cc màu xanh - trắng, biển kiểm soát: 83C1 - 202.xx nguyên giá 40.500.000 đồng, tỉ lệ chất lượng còn lại 80%, giá trị còn lại 32.400.000 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/KL.ĐGTS ngày 26/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Suzuki HAYATE màu sơn trắng-đen, biển kiểm soát: 83 P1- 308.xx nguyên giá 24.990.000 đồng, tỉ lệ chất lượng còn lại 52%, giá trị còn lại 12.994.800 đồng (mười hai triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KL.ĐGTS ngày 06/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu FASHION màu sơn nâu, biển kiểm soát: 83 F4- xxxx nguyên giá 5.800.000 đồng, tỉ lệ chất lượng còn lại 50%, giá trị còn lại 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL.ĐGTS ngày 07/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Wave S màu sơn đỏ-đen-xám, biển kiểm soát: 83H8- xxxx nguyên giá 16.000.000 đồng, tỉ lệ chất lượng còn lại 30%, giá trị còn lại 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 53.094.800 đồng (năm mươi ba triệu không trăm chín mươi bốn ngàn tám trăm đồng).

Tại bản án số 25/2017/HS-ST, ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tuyên xử như sau:

- Tuyên bố bị cáo Trần Khánh T (T xiu) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Khoản 1 Điều 42; Điều 45; Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Trần Khánh T (T xiu): 03 năm tù (Ba năm tù). Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định kháng nghị số 13/QĐ-KNPT, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 248, Khoản 3 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa án sơ thẩm theo hướng áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị số 13/QĐ-KNPT, ngày 09/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 248, Khoản 3 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa án sơ thẩm theo hướng áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự tăng hình phạt đối với bị cáo từ 01 năm tù đến 02 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

(1) Về tính hợp pháp của kháng nghị: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ngày 09/08/2017 là trong luật định là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự là hợp lệ và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

(2) Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào các ngày 14/03/2016; 29/5/2016 và ngày 16/6/2016 bị cáo đã thực hiện 04 lần phạm tội và đã chiếm đoạt của các bị hại 04 chiếc xe mô tô với giá trị tài sản theo giám định là 53.094.800 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại và hành vi, vi phạm của bị cáo cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 139 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

(3) Xét quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, bị cáo Trần Khánh T đã 04 lần dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo các bị hại và chiếm đoạt tài sản của các bị hại trong thời gian dài ngày 14/3/2016 đến ngày 16/6/2016; bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại với tổng cộng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại theo giám định là 53.094.800 đồng. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo là phạm tội nhiều lần và số tiền chiếm đoạt trên 50 triệu và phạm tội của bị cáo là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tại Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự là không đúng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 3 năm tù là nhẹ chưa có tính răn đe bị cáo và tính phòng ngừa chung tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị số 13/QĐ- KNPT ngày 09/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc

Trắng là áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 và áp dụng khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa án sơ thẩm theo hướng áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với pháp luật và thể hiện tính nghiêm khắc của pháp luật.

(4) Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu.

(5) Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 248; Khoản 3 Điều 249 Bộ luật Tố tụng Hình sự (sửa án)

QUYẾT ĐỊNH:

(1) Chấp nhận quyết định kháng nghị số 13/QĐ-KNPT, ngày 09/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48 ; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Khoản 1 Điều 42; Điều 45 Bộ luật hình sự;

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Trần Khánh T (T Xiu): 04 năm tù (Bốn năm tù). Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 09/01/2017.

(2) Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu.

(3) Các quyết định khác của quyết định Bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND huyện C (2 bản);
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự C;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- PKTNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngô